

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh T1”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nguyệt Hồng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông **Bùi Vĩnh Thanh**

2. Ông **Nguyễn Tấn Đạt**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Ngọc Duy Linh** – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2021/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị T, sinh năm 19xx (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

Bị đơn: Võ Thành T1, sinh năm 19xx (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 12/01/2021 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh T1 tiến đến hôn nhân vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 252 ngày 30/10/2001. Quá trình chung sống hạnh phúc

đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế không thể hàn gắn được. Nay tình cảm không còn chỉ yêu cầu ly hôn với anh T1. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quốc Tr, sinh ngày: xx/xx/xxxx và Võ Thị Ngọc Tr1, sinh ngày: xx/xx/xxxx. Ly hôn chị để anh T1 nuôi cháu Tr1, chị không cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Tr đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn anh Võ Thành T trình bày: Anh thống nhất với lời trình của chị T về thời gian kết hôn và thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có lỗi với vợ, anh đã nhận thấy lỗi làm của mình nên anh không đồng ý ly hôn vì tôi còn thương vợ thương con. Anh hứa sẽ thay đổi để làm người chồng tốt. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T và xin chị T cho thêm thời gian và cơ hội. Đặt trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Ly hôn con muốn theo ai thì người đó nuôi. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Võ Thành T1 đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Võ Thành T1 theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị T chung sống với anh Võ Thành T1 từ năm 2001 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 252

ngày 30/10/2001 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2019 chị T, anh T1 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không quan tâm lo lắng cho gia đình, mâu thuẫn về kinh tế. Phía anh T1 thừa nhận việc này và hứa sẽ khắc phục. Theo chứng cứ chị T cung cấp và qua xác minh của Tòa án thì hiện nay chị T đã dọn ra sống riêng, không còn chung sống với anh T1. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa chị T, anh T1 đã lâu. Phía chị T cũng đã cho anh T1 nhiều cơ hội sửa chữa lỗi lầm nhưng đến nay mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết được và tại phiên tòa xét xử anh T1 vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy anh T1 không có thiện chí hàn gắn và không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Võ Thị Ngọc Trân, sinh ngày: 21/3/2006. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con thì thấy chị T, anh T1 đều có điều kiện kinh tế để nuôi con. Việc để cháu Trân cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trân là muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó cần để anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng, phía chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị T, anh T1 có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị T, anh T1 có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 28, 35, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T.

Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Võ Thành T1.

2/ Về con chung: Anh Võ Thành T1 được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Võ Thị Ngọc Tr1, sinh ngày: xx/xx/xxxx;

Chị Phạm Thị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh T1 chưa có yêu cầu.

Chị Phạm Thị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí:

Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0018436 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA.DS huyện Gò Công Đông;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Thành, H. GCD;
- Lưu hồ sơ, AV;

LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG

